

Số: /QĐ-BQLDA Ninh Thuận, ngày tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Công bố công khai điều chỉnh dự toán thu, chi quản lý dự án năm 2024
của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông**

GIÁM ĐỐC BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÁC CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Quyết định số 22/QĐ-UBND ngày 06/02/2017 của UBND tỉnh về việc thành lập Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Ninh Thuận và được sửa đổi, bổ sung tại các Quyết định của UBND tỉnh Ninh Thuận: Quyết định số 51/QĐ-UBND ngày 24/02/2017, Quyết định số 57a/QĐ-UBND ngày 14/3/2017 và Quyết định số 157/QĐ-UBND ngày 30/5/2017;

Căn cứ Quyết định số 1730/QĐ-UBND ngày 25/11/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân tỉnh Ninh Thuận về việc phê duyệt Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Ninh Thuận;

Căn cứ Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 647/QĐ-UBND ngày 21/11/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận, về việc giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính giai đoạn 2023 – 2025 đối với Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông;

Căn cứ Quyết định số 55/QĐ-UBND ngày 24/7/2024 của Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Ninh Thuận, về việc phê duyệt điều chỉnh dự toán thu, chi quản lý dự án năm 2024

Theo đề nghị của Trưởng phòng Hành chính - Tổng hợp,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố công khai số liệu điều chỉnh dự toán thu, chi quản lý dự án năm 2024 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Ninh Thuận (*Theo biểu số 2 đính kèm Quyết định này*)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký;

Điều 3. Trưởng các phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Ninh Thuận và Thủ trưởng các cơ quan đơn vị có liên quan căn cứ thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- UBND tỉnh (b/c);
- Sở Tài chính (b/c);
- Công khai tại CQ và trang web;
- BQL (LĐ, KT, VT).

GIÁM ĐỐC



Phạm Minh Tân

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BQLDA ngày tháng 8 năm 2024
của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông)

Stt	Nội dung	Dự toán được duyệt năm 2024	Số điều chỉnh, bổ sung	Dự toán sau điều chỉnh
A	DỰ TOÁN THU			
I	Tổng số thu	6.131.345.988	826.967.650	6.958.313.638
1	Nguồn kinh phí năm trước chuyển sang	60.000.000	0	60.000.000
2	Nguồn trích từ các dự án được giao quản lý	6.071.345.988	-120.442.218	5.950.903.770
-	Nguồn trích quản lý dự án	5.569.077.950		5.569.077.950
-	Nguồn thu khác từ dự án được giao quản lý	502.268.038	-120.442.218	381.825.820
3	Dự toán được bổ sung trong năm		947.409.868	947.409.868
4	Nguồn thu từ hoạt động dịch vụ tư vấn (nếu có) bao gồm các khoản thuế phải nộp	-	-	-
5	Nguồn thu hợp pháp khác	-	-	-
II	Nguồn chuyển sang năm sau tiếp tục sử dụng	-	-	-
III	Nguồn thu được sử dụng trong năm (III) = (I) – (II) = B	6.131.345.988	826.967.650	6.958.313.638
B	DỰ TOÁN CHI	6.131.345.988	826.967.650	6.958.313.638
I	Chi thường xuyên	6.131.345.988	826.967.650	6.958.313.638
1	Tiền lương	2.463.400.000	345.664.000	2.809.064.000
1.1	Tiền lương ngạch, bậc	2.273.400.000	335.664.000	2.609.064.000
1.2	Tiền lương làm thêm giờ	190.000.000	10.000.000	200.000.000
2	Tiền công	100.800.000	1.200.000	102.000.000
3	Các khoản phụ cấp lương	101.520.000	15.228.000	116.748.000

Stt	Nội dung	Dự toán được duyệt năm 2024	Số điều chỉnh, bổ sung	Dự toán sau điều chỉnh
4	Các khoản trích nộp theo lương	558.106.200	75.372.120	633.478.320
5	Chi phí thuê chuyên gia	-	66.000.000	66.000.000
6	Chi khen thưởng và phúc lợi tập thể	100.000.000	50.000.000	150.000.000
7	Thanh toán dịch vụ công cộng	546.235.600	30.000.000	576.235.600
8	Chi mua vật tư văn phòng	186.231.200	20.000.000	206.231.200
9	Chi thanh toán thông tin, tuyên truyền	305.120.230	15.000.000	320.120.230
10	Chi hội nghị	64.400.000	5.000.000	69.400.000
11	Chi công tác phí	658.523.100	60.000.000	718.523.100
12	Chi thuê mướn	140.400.000	15.000.000	155.400.000
13	Chi đi c/tác nước ngoài	-	-	-
14	Chi đoàn vào	-	-	-
15	Khấu hao tài sản số định	55.230.132	-	55.230.132
16	Chi sửa chữa thường xuyên tài sản	351.379.218	5.000.000	356.379.218
17	Chi phí khác (Trong đó kinh phí tổ chức cơ sở đảng là 24.526.424 đồng)	300.000.308	35.847.836	335.848.144
18	Dự phòng	200.000.000	87.655.694	287.655.694
II	Chi không thường xuyên	-		
1	Chi đầu tư XD cơ bản	-		
2	Mua sắm trang thiết bị, tài sản dùng cho quản lý dự án	-		
3	Sửa chữa lớn tài sản cố định	-		
4	Chi thực hiện tinh giản biên chế (nếu có)	-		
5	Chi khác	-		